

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 175/2018/DS-PT

Ngày 12-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thái Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2018/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị; Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Lý Thị G; Địa chỉ: xã Đ1, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G là ông Trịnh Văn H1, Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư Gia Thành thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1980; Địa chỉ: xã Đ1, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Văn D; Địa chỉ: thành phố T1, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.3. Chị Dương Bé B, sinh năm 1972; Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Lý Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị M trình bày:

Ngày 13-7-2016, chị cho chị Lý Thị G vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, chị G có ký tên; thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng, mỗi tháng chị G trả 5.000.000 đồng, không thế chấp tài sản. Sau khi vay tiền cho đến nay, chị G chưa trả tiền lãi và tiền vốn gốc cho chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị G trả tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng từ ngày 13-7-2016 đến ngày xét xử (ngày 30-5-2018) là 22 tháng: $100.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 44.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, chị Gương phải trả cho chị số tiền là 144.000.000 (Một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lý Thị G trình bày:

Vào ngày 13-7-2016 chị M có đăng hui cho chị, đây hui 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, chị tham gia 01 phần, chị bỏ hui 1.400.000 đồng nên chị M giao cho chị 72.000.000 đồng nhưng chị phải ký giấy nợ cho chị M là 100.000.000 đồng và mỗi tháng trả 5.000.000 đồng trong thời gian 20 tháng. Đến ngày 13-4-2017, chị đã trả được 09 tháng là 45.000.000 đồng, còn nợ lại 55.000.000 đồng. Mỗi tháng chị trả tiền chị M đều có ký nhận. Do làm ăn thua lỗ, chị ngưng không trả tiền cho chị M nữa và thỏa thuận lại mỗi tháng chị trả chị Mai 2.000.000 đồng, viết giấy nợ khác. Tối ngày 19-7-2017, chị M đến nhà chị rủ chị đi ăn, chị M đã viết sẵn giấy còn nợ 55.000.000 đồng, chị đã ký tên và dùng điện thoại chụp hình lại. Chị M đốt giấy nợ có ký nhận chị đã trả tiền, nhưng chưa giao giấy nợ mới cho chị. Khi chị M đốt giấy nợ có chị Kim B chứng kiến. Nhưng sau đó, chị M lừa chị lấy điện thoại của chị và xóa hình ảnh liên quan đến các chứng cứ chị trả tiền cho chị M. Tại công an xã, chị M không thừa nhận xóa dữ liệu hình ảnh trong điện thoại của chị. Nay chị chỉ đồng ý trả cho chị M số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng chị Nguyễn Thị Thu H2 trình bày: Chị là bạn chị biết chị M. Giữa chị và chị M, chị G không có quan hệ họ hàng và không mâu thuẫn gì với nhau. Vào khoảng 16 giờ ngày 19-7-2017, chị G gọi điện thoại mời chị đi ăn cùng mấy người bạn, bằng xe ô tô của anh D. Khi lên xe chị biết có chị M, còn những người khác chị không biết. Sau đó, chị biết là anh D, chị Kim B, chị T. Đến quán ăn, đang ngồi ăn thì chị M đi ra ngoài. Một lúc sau, chị M đi vào ngồi cùng ăn tiếp thì chị S gọi vào điện thoại của chị G và nói cho gặp chị M, chị Gương đưa điện thoại cho chị M cầm ra ngoài thì anh D cũng đi ra ngoài và bỏ đi. Chị G biết chị Mai cầm điện thoại đi nên lấy điện thoại của chị gọi nhưng thuê bao không liên lạc được. Sau đó, chị và chị G báo với công an xã Đ1 sự việc chị M lấy điện thoại của chị G. Trước đây, chị không biết việc vay mượn tiền giữa chị M và chị G.

Đến khi sự việc xảy ra tại quán ăn thì chị G có nói lại cho chị biết, chị Gương có hốt hụi của chị M thiếu 100.000.000 đồng, trả được 09 tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng, chị M nói chị G đốt giấy nợ cũ để giao giấy nợ mới với số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng. Chị M chưa giao giấy nợ mới cho chị G, nhưng chị G có chụp hình ghi lại trong điện thoại.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng, anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh quen biết với chị M và chị G, không có mâu thuẫn gì. Vào khoảng 20 giờ ngày 19-7-2017, anh, chị M, chị Kim B, chị T1 đến nhà chị G. Chị G, chị Kim B, chị M nói chuyện trong phòng ngủ, anh và chị T1 ở phòng khách. Sau đó, mọi người đi ăn tại quán Ốc Đêm ở xã Đ1. Khi đang ăn, anh có điện thoại nên đi ra ngoài nghe điện thoại. Sau đó, chị M đi ra nhờ anh chở về nhà do mẹ chị M bị bệnh. Anh không chứng kiến việc chị M lấy điện thoại của chị G và cũng không biết việc chị G thiếu tiền của chị M.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng, chị Dương Bé B (tự Kim B) trình bày: Chị là bạn của chị M và chị G, quen biết hơn 10 năm, không họ hàng với nhau, không có mâu thuẫn gì với nhau. Vào khoảng 18 giờ ngày 19-7-2017, chị M gọi điện thoại mời chị đi ăn cùng mấy người bạn, đi bằng xe ô tô của anh D; gồm chị, anh D, chị G, chị T1 và bạn của chị G. Đến nhà chị G thì chị T1, anh D chờ ngoài phòng khách, chị và chị M vào trong phòng ngủ chờ chị G thay đồ. Do chị bị viêm họng nên chị cũng đi ra, đi vào. Sau đó chị ra ngoài chờ chị G, chị M, khoảng 10 – 15 phút sau chị G với chị M mới đi ra. Đến quán ăn, đang ngồi ăn thì chị G đưa điện thoại cho chị M nói có người cần gặp chị M, chị M cầm điện thoại ra ngoài và bỏ đi. Chị G la khóc vì chị M lấy điện thoại của chị G đi. Sau đó, chị G báo với công an xã Đ1. Tại nhà chị G, chị không nghe chị M nói về việc chị G thiếu tiền chị M và cũng không thấy chị M và chị G đốt giấy tờ gì tại nhà chị G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M đối với chị Lý Thị G.

Buộc chị Lý Thị G có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị M số tiền nợ tổng cộng là 116.925.000 (**một trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn**) đồng; trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 16.925.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi của chị M là 27.075.000 (hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2/ Về án phí: Chị Lý Thị G phải chịu 5.846.000 (**năm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn**) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị M phải chịu 1.354.000 (một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí sơ thẩm chị M đã nộp là 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0034044 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; chị M được hoàn trả số tiền chênh lệch là 1.796.000 (một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Bản án còn tuyên lãi suất chậm trả, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 28-6-2018, chị G kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho chị G trình bày: Giấy nợ lập ngày 13-7-2016, chị G có vay của chị M số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên, chị M nói chị G không trả tiền hàng tháng là không đúng, vì từ ngày vay đến ngày 19-7-2017 là hơn một năm nhưng chị M không có ý kiến gì đối với tiền vay và không khởi kiện. Chị G cho rằng khi lập lại giấy nợ mới vào ngày 19-7-2017 có nội dung chị còn nợ chị Mai số tiền là 55.000.000 đồng và mỗi tháng trả góp cho chị M là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên; chị có ký tên và chụp hình ghi lại giấy nợ trên đồng thời đưa cho chị M giấy ghi nhận việc chị đã trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng mà chị M đã ký nhận, trước khi chị M đốt bỏ giấy này chị đã chụp hình ghi lại. Như vậy các chứng cứ mà chị G có được lưu giữ trong điện thoại của chị G, việc chị M tự ý lấy điện thoại và xóa các chứng cứ khi không được sự đồng ý của chị G nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị G, sửa án sơ thẩm buộc chị G trả cho chị M số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật BLTTDS; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

Về nội dung: Chị G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Những người làm chứng đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa là Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D và Dương Bé B nhưng tất cả đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị M cho rằng chị G vay của chị số tiền là 100.000.000 đồng, mỗi tháng chị G trả là 5.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 8/2016 cho đến tháng 3/2018 đủ 20 tháng là xong, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng nhưng việc trả tiền lãi như thế nào thì chị M cho rằng chưa thỏa thuận.

Chị G không đồng ý mà cho rằng số tiền trên chị M đăng theo hụi (5.000.000 đồng/tháng) cho chị, tổng số tiền đăng hụi là 72.000.000 đồng, chị M cộng tiền lãi 28.000.000 đồng thành 100.000.000 đồng và mỗi tháng chị trả cho chị M là 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Xét thấy việc trình bày của chị G là có căn cứ chấp nhận, vì về nguyên tắc trả góp thì tiền vốn đã được tính lãi, nếu không có thỏa thuận khác.

[2.2] Từ khi vay tiền ngày 13-7-2016 cho đến ngày 19-7-2017 là hơn một năm nhưng chị M cho rằng chị G chưa trả cho chị được khoản tiền nào trong khi số tiền chị M cho chị G vay là do chị M vay ngân hàng về cho chị G vay lại nhưng chị M không tranh chấp hay khởi kiện là không đúng với thực tế.

Chị G khai đến ngày 13-4-2017 chị đã trả cho chị M được 09 tháng thành tiền là 45.000.000 đồng, còn nợ lại 55.000.000 đồng. Mỗi tháng chị trả tiền chị M đều có ký nhận. Do làm ăn thua lỗ, chị ngưng không trả tiền cho chị M nữa và thỏa thuận lại mỗi tháng chị trả chị M 2.000.000 đồng, viết giấy nợ khác. Tối ngày 19-7-2017, chị M đến nhà chị rủ chị đi ăn, chị M đã viết sẵn giấy còn nợ 55.000.000 đồng, chị đã ký tên và dùng điện thoại chụp hình lại, đồng thời chụp hình giấy chị M nhận tiền chị trả hàng tháng chị M ký nhận trước khi chị M đốt bỏ. Xét thấy lời khai của chị G là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Ngay sau khi chị M lấy điện thoại, chị G đã nói cho cho chị H, chị Kim B và báo với Công an xã Đ1, huyện T là trong điện thoại chị M lấy có lưu giữ chứng cứ là giấy chị còn nợ chị M 55.000.000 đồng và giấy chị M nhận tiền trả góp được 09 tháng bằng 45.000.000 đồng.

[2.4] Việc chị M lấy điện thoại nhưng không được sự đồng ý của chị G, mục đích lấy điện thoại chị M cho rằng để chị G xuống nhà gặp chị để giải quyết nợ là không thỏa đáng, vì chị M thừa nhận hai chị vẫn điện thoại qua lại với nhau, hàng tháng vẫn gặp nhau đi chơi chung.

[2.5] Kỹ thuật viên - Thế giới di động xác định dữ liệu hình ảnh trong điện thoại hiệu Samsung J.3 khi đã xóa thì không khôi phục lại được.

[2.6] Vì vậy, có căn cứ xác định chị M lấy điện thoại của chị G là nhằm xóa bỏ chứng cứ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, khấu trừ số tiền chị G đã trả cho chị M là 45.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng. Do đến nay đã quá thời hạn trả nợ như thỏa thuận ban đầu (thời điểm trả nợ cuối cùng là tháng 3-2018) nên tính lãi suất từ ngày lập lại giấy nợ mới 19-7-2017 cho đến ngày xét xử là 12-10-2018 là 14 tháng 23 ngày x 10%/năm x 55.000.000 đồng = 6.768.000 đồng.

Tổng cộng buộc chị G trả cho chị M số tiền là 61.768.000 đồng.

[2.7] Số tiền chị M yêu cầu không được chấp nhận là 144.000.000 đồng - 61.768.000 đồng = 82.232.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị G phải chịu là 61.768.000 đồng x 5% = 3.088.000 đồng; chị M phải chịu là 82.088.000 đồng x 5% = 4.104.000 đồng.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên chấp nhận kháng cáo của chị G, sửa bản sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm dân sự chị G không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của chị Lý Thị G.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M đối với chị Lý Thị G.

Buộc chị Lý Thị G trả cho chị Lê Thị M số tiền nợ tổng cộng là 61.768.000 (Sáu mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị M yêu cầu chị G trả số tiền là 82.088.000 (Tám mươi hai triệu, không trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị M cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Lý Thị G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lý Thị G phải chịu 3.088.000 đồng.

- Chị Lê Thị M phải chịu 4.104.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0034044 ngày 02-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; chị M còn phải nộp số tiền 954.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lý Thị không phải chịu. Hoàn trả cho chị G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0025679 ngày 28-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND H. Tân Châu;
- Chi cục THADS H. Tân Châu;
- Đường sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Chiến